

Số: **4165**/QĐ-HVN

Hà Nội, ngày **9** tháng **11** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định Quản lý, khai thác sản phẩm khoa học công nghệ của Học viện

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 4177/QĐ-HVN ngày 24 tháng 12 năm 2015 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Nông nghiệp Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 3563/QĐ-HVN, ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy định Quản lý, khai thác sản phẩm khoa học công nghệ của Học viện”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 02/QĐ-NNH ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội về việc ban hành “Quy định về sở hữu trí tuệ”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Tổ chức cán bộ, Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ, Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHCN, HDD (5).



Nguyễn Thị Lan

QUY ĐỊNH

QUẢN LÝ, KHAI THÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA HỌC VIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4165/QĐ-HVN, ngày 9 tháng 11 năm 2020
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Căn cứ:

Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ;

Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13, ngày 18 tháng 11 năm 2013;

Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, ngày 19 tháng 06 năm 2017;

Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14, ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13, ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14. ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan;

Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ

Nghị định 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2019 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;

Quyết định số 28/QĐ-HVN ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐHV, ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Thường trực Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Giám đốc Học viện ban hành “Quy định quản lý, khai thác sản phẩm khoa học công nghệ của Học viện” để áp dụng trong nội bộ Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Học viện).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định, hướng dẫn công tác quản lý và khai thác các sản phẩm khoa học và công nghệ của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, bao gồm: đăng ký; kê khai, sử dụng, chuyển giao; chuyển nhượng và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong quản lý,

khai thác và bảo vệ các sản phẩm khoa học và công nghệ của Học viện.

2. Văn bản này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân thuộc Học viện; các đơn vị, cá nhân có hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu với Học viện.

Điều 2. Đối tượng quyền sở hữu

1. Quyền tác giả đối với giáo trình, bài giảng, tài liệu phục vụ đào tạo (sách chuyên khảo, sách tham khảo và sổ tay hướng dẫn), báo cáo khoa học, giống cây trồng, giống vật nuôi, chủng giống vi sinh vật, vi tảo, chế phẩm sinh học, thuốc, vắc-xin, các quy trình kỹ thuật, giải pháp hữu ích, bằng sáng chế.

2. Quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, logo, nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại.

3. Quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và thu hoạch.

4. Các sản phẩm KHCN thuộc quyền sở hữu của Học viện bao gồm:

a) Tên, logo, nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ của Học viện và các đơn vị thuộc Học viện.

b) Sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu phục vụ đào tạo (Sách chuyên khảo, sách tham khảo và sách hướng dẫn), bài báo khoa học, luận án, luận văn, khóa luận được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác.

c) Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học.

d) Chương trình máy tính, cơ sở dữ liệu.

e) Tác phẩm phái sinh nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.

f) Các giống cây trồng, vật nuôi, vật liệu phục vụ chọn tạo, thu hoạch, chế biến.

g) Kết quả các công trình nghiên cứu khoa học, tiến bộ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận.

h) Các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sáng chế, giải pháp hữu ích.

i) Quy trình công nghệ, các bí mật kinh doanh.

j) Linh phụ kiện mới, các máy móc, thiết bị mới chế tạo.

k) Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp.

l) Các sản phẩm liên kết với các đơn vị, cá nhân ngoài Học viện (có văn bản thoả thuận riêng cho từng loại sản phẩm và đóng góp của mỗi bên).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng/giống vật nuôi/giống vi sinh vật.

Tác giả là tổ chức, cá nhân sáng tạo ra tác phẩm văn học, nghệ thuật và sản phẩm KHCN, gồm tổ chức, cá nhân Việt Nam có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả; được công bố ở Việt Nam mà chưa được công bố ở bất kì nước nào hoặc được công bố đồng thời ở Việt Nam trong thời hạn 30 ngày. Trong trường hợp có từ hai tác giả trở lên thì họ là đồng tác giả.

Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Bao gồm những quyền mà pháp luật trao cho tác giả hay chủ sở hữu của một tác phẩm về việc đặt tên tác phẩm, đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố sử dụng; sao chép, điều chỉnh, truyền tải, phổ biến tác phẩm đến với công chúng bằng việc cho phép người khác tham gia vào quá trình khai thác tác phẩm.

Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo, hoặc phát hiện và phát triển, hoặc được hưởng quyền sở hữu.

Quyền nhân thân là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân mà không thể chuyển giao cho người khác dưới bất kì hình thức nào thậm chí ngay cả trong trường hợp tác giả của đối tượng sở hữu công nghiệp đó chết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác;

Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

Tác phẩm phái sinh là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

Giống cây trồng là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được.

Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người; phải có số lượng bảo đảm để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.

Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

Mạch tích hợp bán dẫn là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ để phân biệt với chủ thể kinh doanh, dịch vụ khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh, dịch vụ. Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

Chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ là chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm KHCN cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu là việc chủ sở hữu sản phẩm KHCN giao toàn bộ quyền sở hữu sản phẩm khoa học công nghệ cho chủ thể khác theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

Chuyển giao một phần quyền sở hữu là việc chủ sở hữu sản phẩm KHCN giao quyền sở hữu/đồng sở hữu một hoặc một số hành vi thuộc quyền sở hữu đối với các sản phẩm KHCN cho các chủ thể khác nhau theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

Chuyển giao toàn bộ quyền sử dụng là việc chủ sở hữu sản phẩm KHCN cho phép chủ thể khác độc quyền sử dụng sản phẩm KHCN trong phạm vi, thời hạn theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

Chuyển giao một phần quyền sử dụng kết quả nghiên cứu là việc chủ sở hữu sản phẩm KHCN cho phép chủ thể khác một hoặc một số quyền sở hữu đối với các sản phẩm KHCN trong phạm vi, thời hạn theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.

Sản phẩm NCKH là các thông tin, bao gồm: luận điểm hay luận đề, phát hiện, phát minh, sáng chế và các phương tiện trung gian để tiếp xúc được thông tin khoa học: sách báo, băng âm, băng hình (đặc biệt là tạp chí khoa học); vật mang công nghệ; vật mang xã hội

Điều 4. Các sản phẩm KHCN thuộc quyền sở hữu và quản lý của Học viện

Học viện là đại diện chủ sở hữu các sản phẩm KHCN do cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Học viện sáng tạo ra từ một trong các hoạt động sau:

a) Sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác quốc tế thông qua Học viện, hoặc từ kinh phí của Học viện (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc).

b) Sử dụng thời gian làm việc hành chính; sử dụng cơ sở vật chất của Học viện; sử dụng thương hiệu của Học viện.

c) Nhận nhiệm vụ do Học viện giao.

d) Ký hợp đồng với Học viện để tạo ra sản phẩm.

e) Nhận chuyển giao, kế thừa các sản phẩm từ các tổ chức, cá nhân cho Học viện hoặc cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng.

Điều 5. Đăng ký, kê khai, sử dụng và thương mại sản phẩm KHCN của Học viện

1. Cán bộ, viên chức và người lao động của Học viện trong quá trình làm việc, nghiên cứu sáng tạo ra các sản phẩm KHCN thuộc các nhóm đối tượng bảo hộ quyền tác giả, sở hữu

công nghiệp và giống cây trồng, vật nuôi, quy trình kỹ thuật, giải pháp hữu ích... đều phải có trách nhiệm đăng ký, kê khai bằng văn bản cho Học viện thông qua Ban KH&CN.

2. Tác giả, đơn vị quản lý có trách nhiệm cùng với Học viện tìm các biện pháp để khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm KHCN đã được bảo hộ.

3. Đối với các sản phẩm KHCN có khả năng thương mại hoá, tác giả/đơn vị quản lý phối hợp với Học viện để xúc tiến thương mại một cách hiệu quả nhất.

Điều 6. Nhân hiệu hàng hoá, và tên sản phẩm KHCN của Học viện

Nhãn hiệu hàng hoá và tên sản phẩm bắt buộc phải có các thành phần:

1. Logo của Học viện.
2. Tên viết tắt của Học viện
3. Phần nội dung nhãn hiệu: hình hoạ hoặc ký hiệu cho loại sản phẩm.

Điều 7. Quyền tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu sản phẩm KHCN

1. Quyền tác giả đối với sản phẩm KHCN bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra thì họ là đồng tác giả.

a) Quyền nhân thân: tác giả của sản phẩm KHCN có quyền:

- Đặt tên cho tác phẩm.
- Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng.

- Được ghi tên là tác giả trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

- Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng.

- Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm.

- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

b) Quyền tài sản

- Đối với tác phẩm: được làm tác phẩm phái sinh; sao chép tác phẩm; phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm; chuyển giao sản phẩm; cho thuê bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm.

- Quyền tài sản của tác giả đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng, vật nuôi là quyền được nhận thù lao hoặc phân phối lợi nhuận theo quy định này.

2. Chủ sở hữu quyền tác giả

a) Các quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này do tác giả, Học viện độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật SHTT.

b) Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản, hoặc công bố sản phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.

d) Sử dụng, cho phép người khác sử dụng hoặc ngăn cấm người khác sử dụng các sản phẩm KHCN theo quy định của Luật SHTT.

đ) Định đoạt sản phẩm KHCN theo quy định của Luật SHTT.

3. Chủ sở hữu sản phẩm KHCN

Chủ sở hữu sản phẩm KHCN phân thành hai nhóm:

a) Chủ sở hữu độc lập: chủ sở hữu độc lập là Học viện khi được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ các sản phẩm KHCN tương ứng.

b) Đồng sở hữu:

- Đồng sở hữu là Học viện và đơn vị trong Học viện: đối với các sản phẩm KHCN do đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Học viện (Viện, Trung tâm, Công ty,...) sáng tạo ra.

- Đồng sở hữu là Học viện và cá nhân, tổ chức không thuộc Học viện: đối với các sản phẩm KHCN được hình thành thông qua hợp đồng nghiên cứu giữa các bên.

Điều 8. Chuyển giao quyền sử dụng các sản phẩm KHCN

1. Những sản phẩm được phép chuyển giao quyền sử dụng: tất cả các sản phẩm KHCN do Học viện là chủ sở hữu độc lập hoặc Học viện là đồng sở hữu.

Khi chuyển giao quyền sử dụng phải được sự đồng ý của Giám đốc đối với các sản phẩm do Học viện độc lập sở hữu hoặc được sự đồng ý của các bên đồng sở hữu đối với các sản phẩm do Học viện và các đơn vị đồng sở hữu.

2. Chuyển giao cho nhiều đối tượng (chuyển giao quyền sử dụng không độc quyền): Học viện cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn và trong phạm vi nhất định một số quyền đối với các sản phẩm KHCN của Học viện.

3. Các tổ chức, cá nhân được nhận quyền sử dụng không được chuyển quyền sử dụng cho bên thứ ba khi chưa được Học viện đồng ý bằng văn bản.

4. Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sản phẩm KHCN phải được lập thành văn bản với đầy đủ nội dung và được Học viện ký hoặc ủy quyền cho đơn vị trực thuộc ký. Hợp đồng phải có ít nhất các thông tin sau:

a) Tên và địa chỉ đầy đủ của mỗi bên.

b) Căn cứ chuyển giao.

c) Phạm vi chuyển quyền.

d) Giá, phương thức thanh toán.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt, huỷ bỏ hợp đồng,...theo quy định của Hợp đồng kinh tế của Bộ Luật dân sự năm 2015, đồng thời quy định rõ hình thức và nội dung và thời gian chuyển giao quyền sử dụng.

5. Giá trị chuyển giao quyền sử dụng

a) Giá trị chuyển giao quyền sử dụng được chủ sở hữu/dồng sở hữu định giá dựa trên các yếu tố: chi phí quản lý nghiên cứu; nộp thuế nhà nước và lợi nhuận.

b) Chủ sở hữu/dồng sở hữu quyền sử dụng có thể có thể thuê đơn vị độc lập tư vấn và định giá cho các sản phẩm KHCN chuyển giao theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BKH&CN ngày 13/06/2014 của Bộ KH&CN.

Điều 9. Chuyển nhượng quyền sở hữu các sản phẩm KHCN

1. Những sản phẩm được phép chuyển nhượng quyền sở hữu: tất cả các sản phẩm

KHCN do Học viện là chủ sở hữu độc lập hoặc Học viện là đồng sở hữu.

2. Khi chuyển nhượng quyền sở hữu phải được sự đồng ý của Giám đốc đối với các sản phẩm do Học viện độc lập sở hữu hoặc được sự đồng ý của các bên đồng sở hữu đối với các sản phẩm do Học viện và các đơn vị đồng sở hữu.

3. Các tổ chức, cá nhân được chuyển nhượng quyền sở hữu không được chuyển quyền sở hữu cho bên thứ ba khi chưa được Học viện đồng ý bằng văn bản.

4. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sản phẩm KHCN phải được lập thành văn bản (do Ban Khoa học công nghệ chủ trì soạn thảo) với đầy đủ nội dung và được Học viện ký hoặc ủy quyền cho đơn vị trực thuộc ký. Hợp đồng phải có ít nhất các thông tin sau:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của mỗi bên.
- b) Căn cứ chuyển nhượng.
- c) Phạm vi chuyển nhượng.
- d) Giá, phương thức thanh toán.
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt, huỷ bỏ hợp đồng,...theo quy định của Hợp đồng kinh tế của Bộ Luật dân sự năm 2015, đồng thời quy định rõ hình thức và nội dung và thời gian chuyển giao quyền sử dụng.

5. Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu

a) Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu được chủ sở hữu/đồng sở hữu quyền sử dụng định giá dựa trên các yếu tố: chi phí đầu tư cho việc nghiên cứu trước; chi phí đăng ký và duy trì hiệu lực của bảo hộ SHTT; chi phí quản lý nghiên cứu; các chi phí khác hợp lệ (chi phí quảng bá sản phẩm, trình diễn,...); chi phí nộp thuế nhà nước; lợi nhuận.

b) Chủ sở hữu/đồng sở hữu quyền sử dụng có thể có thể thuê đơn vị độc lập tư vấn và định giá cho các sản phẩm KHCN chuyển giao theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BKH&CN ngày 13/06/2014 của Bộ KH&CN.

6. Hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu các sản phẩm KHCN theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và phải được lưu tại Văn thư của Học viện.

Điều 10. Phân chia lợi nhuận các sản phẩm KHCN sau thương mại hoá

Căn cứ Điều 42 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; Học viện quy định tỷ lệ phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn, thương mại hóa sản phẩm. Cụ thể:

1. Những hoạt động thương mại hóa phải phân chia lợi nhuận: chuyển giao quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu các sản phẩm KHCN được bảo hộ, công nhận; thương mại hoá sản phẩm KH&CN (hợp tác thương mại hóa sản phẩm hoặc thành lập công ty tự thương mại hóa sản phẩm) thông qua các hợp đồng kinh tế, thỏa thuận hợp tác....

2. Các hình thức phân chia lợi nhuận thu được (sau khi trừ các chi phí) từ các sản phẩm sản phẩm KHCN do Học viện hoặc đơn vị thuộc Học viện là chủ sở hữu.

a) *Trường hợp 1:* Tác giả hoặc đơn vị quản lý tác giả chỉ trả toàn bộ chi phí về việc

đăng ký công nhận, bảo hộ và chi phí thương mại hóa, lợi nhuận thu được sẽ được phân chia theo tỷ lệ như sau:

- Tác giả và nhóm tác giả sản phẩm KHCN: 50% (*tác giả hoặc trưởng nhóm tác giả sẽ quy định phân chia lợi nhuận dựa vào vai trò, mức độ đóng góp của các thành viên tham gia*).
- Học viện: 30% (dùng cho đầu tư nghiên cứu khoa học, nâng cấp cơ sở vật chất, phúc lợi, khen thưởng);
- Đơn vị quản lý tác giả: 20%

Phần dành cho đơn vị quản lý tác giả, tập thể lãnh đạo đơn vị quyết định phân chia quỹ cho các hoạt động của đơn vị, trong đó phần dành cho tái đầu tư hoạt động KHCN không dưới 50%.

b) *Trường hợp 2*: Học viện chỉ trả toàn bộ chi phí về việc đăng ký công nhận, bảo hộ và chi phí thương mại hóa, lợi nhuận thu được sẽ được phân chia theo tỷ lệ như sau:

- Tác giả và nhóm tác giả sản phẩm KHCN: 35% (*tác giả hoặc trưởng nhóm tác giả sẽ quy định phân chia lợi nhuận dựa vào vai trò, mức độ đóng góp của các thành viên tham gia*).
- Học viện : 45% (dùng cho đầu tư nghiên cứu khoa học, nâng cấp cơ sở vật chất, phúc lợi, khen thưởng);
- Đơn vị của tác giả: 20%;

Phần dành cho đơn vị quản lý tác giả, tập thể lãnh đạo đơn vị quyết định phân chia quỹ cho các hoạt động của đơn vị, trong đó phần dành cho tái đầu tư hoạt động KHCN không dưới 50%.

c) *Trường hợp 3*: Học viện, đơn vị quản lý tác giả và tác giả cùng chi chi phí về việc đăng ký công nhận, bảo hộ và chi phí thương mại hóa: Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ đóng góp nhưng phần dành cho tác giả và đơn vị tác giả không quá 50%.

Phần dành cho đơn vị quản lý tác giả, tập thể lãnh đạo đơn vị quyết định phân chia quỹ cho các hoạt động của đơn vị, trong đó phần dành cho tái đầu tư hoạt động KHCN không dưới 50%.

2. Đối với các sản phẩm KHCN do Học viện và các bên đồng chủ sở hữu theo hợp đồng khi phân phối sẽ theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Phần lợi nhuận của Học viện được phân chia tỷ lệ tương tự ghi trong mục 2 của Điều này.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Học viện để hoàn thiện, phát triển công nghệ nhằm thương mại hóa, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì phải được sự đồng ý của Học viện. Việc phân chia lợi nhuận thu được từ việc thương mại hóa của tổ chức, cá nhân hoặc hợp tác thương mại hóa giữa hai bên phải được thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức, cá nhân đó với Học viện hoặc đại diện của Học viện phù hợp với mức độ đóng góp của từng bên.

Điều 11. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu sản phẩm KHCN

1. Các tác giả của các sản phẩm KHCN quy định tại điều 2 của quy định này không được tự ý đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ khi chưa được Học viện đồng ý.

2. Các tác giả có trách nhiệm phối hợp với Ban KH&CN làm các thủ tục đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ. Tác giả có nhu cầu đăng ký SHTT gửi đơn đăng ký với Học viện (qua Ban

KH&CN) và được Học viện chấp nhận bằng văn bản. Sau đó tác giả có thể tự đăng ký hoặc thuê tổ chức, dịch vụ chuyên nghiệp hỗ trợ đăng ký.

3. Đối với các sản phẩm KHCN của các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng thuộc Học viện, khi đăng ký phải ghi trong đơn đăng ký Học viện và đơn vị là đồng chủ sở hữu. Nếu sản phẩm KHCN đó có nhiều người cùng sáng tạo ra, trong đơn đăng ký phải thoả thuận ghi các tác giả sáng tạo ra để bảo đảm quyền lợi đồng tác giả

4. Kinh phí đăng ký và duy trì bảo hộ:

a) Nếu có đồng chủ sở hữu, kinh phí đăng ký và duy trì bảo hộ sẽ phân chia theo tỷ lệ bằng nhau theo số chủ sở hữu.

b) Nếu chỉ có Học viện là chủ sở hữu, kinh phí đăng ký và duy trì bảo hộ do Học viện chi trả 100%.

5. Quy trình và thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ:

a) Tác giả khai đơn theo mẫu, hướng dẫn của bộ phận Sở hữu trí tuệ, Ban KH&CN

b) Nộp đơn và lệ phí nộp đơn tại bộ phận Sở hữu trí tuệ, Ban KHCN;

c) Bộ phận Sở hữu trí tuệ - Ban KH&CN nộp đơn và lệ phí tại cơ quan quản lý đăng ký bảo hộ;

d) Nếu đơn phải sửa chữa, bộ phận Sở hữu trí tuệ - Ban KH&CN liên hệ với tác giả để sửa chữa trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có công văn yêu cầu sửa chữa của cơ quan chức năng;

đ) Khi có thông báo kết quả xét duyệt đơn (công nhận hoặc không), bộ phận Sở hữu trí tuệ - Ban KH&CN gửi ngay thông báo cho tác giả.

e) Khi có Bằng chứng nhận, bộ phận Sở hữu trí tuệ - Ban KH&CN lưu bản copy, gửi tác giả bản chính.

Điều 12. Trách nhiệm quản lý sản phẩm KHCN của Học viện

1. Học viện và tác giả có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu sản phẩm KHCN của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu sản phẩm KHCN của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức triển khai các hoạt động quản lý sản phẩm KHCN

Học viện giao cho Ban KH&CN làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Học viện thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, định hướng phát triển các sản phẩm KHCN;

b) Cập nhật, triển khai các văn bản pháp luật về Sở hữu trí tuệ của nhà nước; xây dựng, sửa đổi, ban hành và tổ chức thực hiện quy định về quản lý, khai thác sản phẩm KHCN của Học viện;

c) Tổ chức bộ phận quản lý sản phẩm KHCN; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về sở hữu trí tuệ.

d) Hướng dẫn thủ tục đăng ký cấp và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, văn bằng bảo hộ các sản phẩm KHCN của Học viện.

đ) Xúc tiến quảng bá sản phẩm KHCN ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng chuyển nhượng bản quyền các sản phẩm KHCN.

e) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; tiếp nhận và đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.

g) Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê các sản phẩm KHCN.

h) Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ, khai thác sản phẩm KHCN.

i) Hợp tác quốc tế về phát triển, khai thác sản phẩm KHCN.

3. Trách nhiệm quản lý sản phẩm KHCN của các khoa, viện, trung tâm

a) Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và thời gian cho cán bộ, viên chức và người lao động hợp đồng nghiên cứu sáng tạo ra sản phẩm KHCN;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về SHTT của Nhà nước và của Học viện, báo cáo Ban Giám đốc kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm KHCN thông qua bộ phận chuyên môn của Ban KH&CN.

c) Kiểm tra, đôn đốc các tác giả sản phẩm KHCN thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với Học viện.

d) Phối hợp với Ban KHCN thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 2 của điều 12.

4. Trách nhiệm của tác giả sản phẩm KHCN

a) Thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về SHTT của Nhà nước và của Học viện, các cam kết, thoả thuận với Học viện.

b) Tham gia cùng với Học viện xúc tiến quảng bá sản phẩm KHCN ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng bản quyền sản phẩm KHCN.

c) Đề nghị Học viện hỗ trợ xử lý và giải quyết khi có các xung đột về quyền lợi quyền tác giả.

Điều 13. Các hành vi vi phạm quy định

Các hành động như không khai báo sản phẩm KHCN nhằm mục đích riêng hoặc tự ý đăng ký bảo hộ đối với sản phẩm KHCN thuộc Học viện mà không thông qua Học viện hoặc tự ý thương mại hoá sản phẩm KHCN thuộc Học viện không thông qua Học viện được coi là hoạt động vi phạm bản quyền của Học viện:

1. Các cá nhân/tổ chức không khai báo sản phẩm KHCN nhằm mục đích riêng;

2. Các cá nhân/tổ chức tự ý đăng ký bảo hộ đối với các sản phẩm KHCN thuộc Học viện mà không thông qua Học viện

3. Các cá nhân/tổ chức tự ý thương mại hoá các sản phẩm KHCN thuộc quyền sở hữu và quản lý của Học viện được quy định ở Điều 3 của quy định này không thông qua Học viện mà gây thiệt hại về giá trị vật chất và uy tín của Học viện;

4. Các cá nhân/tổ chức tiết lộ thông tin, sử dụng hoặc thương mại hóa các sản phẩm trí tuệ quan trọng (được đóng dấu "MẬT") của Học viện (công nghệ, quy trình kỹ thuật, tài liệu, bài báo khoa học, mẫu vật...), hoặc các sản phẩm mà có ý kiến của Giám đốc về việc hạn chế công bố, chuyển giao.

Điều 14. Các hình thức kỷ luật

1. Hạ mức thi đua (thi đua thắng tại thời điểm phát hiện, thi đua năm học đó):

Áp dụng đối với các cá nhân/tổ chức: vi phạm không khai báo sản phẩm KHCN lần đầu; tự ý đăng ký bảo hộ đối với sản phẩm KHCN thuộc Học viện.

2. Hình thức khiển trách:

Áp dụng đối với các cá nhân/tổ chức vi phạm: không khai báo sản phẩm KHCN sau khi đã được nhắc nhở lần 1; không hủy bỏ các văn bằng, chứng nhận sản phẩm SHTT tự ý đăng ký sau khi đã được nhắc nhở; tự ý thương mại hoá sản phẩm KHCN của Học viện nhưng chưa gây thiệt hại về giá trị vật chất và uy tín của Học viện.

Đối với cá nhân nhận hình thức kỷ luật khiển trách là lãnh đạo quản lý (từ cấp bộ môn trở lên), Giám đốc sẽ tạm dừng chức vụ lãnh đạo từ 1 đến 3 tháng để xem xét trách nhiệm và quyết định giao nhiệm vụ.

3. Hình thức cảnh cáo:

Áp dụng đối với các cá nhân/tổ chức: vi phạm không khai báo sản phẩm KHCN lần 2; vi phạm không hủy bỏ các văn bằng, chứng nhận sản phẩm KHCN tự ý đăng ký khi được nhắc nhở lần 2; tự ý thương mại hoá sản phẩm KHCN của Học viện và gây thiệt hại về giá trị vật chất của Học viện; tiết lộ thông tin, sử dụng hoặc thương mại hóa các sản phẩm KHCN quan trọng (được đóng dấu "MẬT") của Học viện.

4. Buộc thôi việc:

Áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức: vi phạm không khai báo sản phẩm KHCN; vi phạm không hủy bỏ các văn bằng, chứng nhận sản phẩm KHCN tự ý đăng ký sau khi được nhắc nhở lần 3; tự ý thương mại hoá sản phẩm KHCN của Học viện và gây thiệt hại về giá trị vật chất và uy tín của Học viện; tiếp tục tiết lộ thông tin, sử dụng hoặc thương mại hóa các sản phẩm KHCN (được đóng dấu "MẬT") của Học viện.

5. Xử lý hình sự:

Áp dụng đối với các cá nhân/tổ chức thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở các sản phẩm KHCN có yếu tố cấu thành tội phạm, Học viện sẽ đề nghị cơ quan chức năng truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

6. Tạm dừng hợp đồng và yêu cầu bồi thường với các trường hợp sau:

a) Nếu hợp đồng chưa thực hiện, Học viện sẽ đề nghị hủy hợp đồng, các bên làm thủ tục thương thảo và ký lại hợp đồng.

b) Nếu hợp đồng đã thực hiện, tùy theo mức độ thiệt hại, cá nhân/tổ chức đó sẽ bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên; đồng thời, cá nhân/tổ chức vi phạm buộc phải hủy hợp đồng và bồi thường thiệt hại vật chất cho Học viện và bị phạt 5% giá trị hợp đồng đã ký và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên ký hợp đồng theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm đơn vị trong triển khai quy định

Trường đơn vị có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến quy định này tới từng cán bộ viên chức của đơn vị và đôn đốc thực hiện tốt quy định này. Đơn vị có cá nhân/tổ chức vi phạm sẽ bị hạ mức thi đua trong năm học; trường đơn vị không tuyên truyền, phổ biến quy định này, không nhắc nhở các cá nhân, tổ chức và để xảy ra vi phạm sẽ bị hạ mức thi đua trong năm học đó. Tùy vào mức độ vi phạm của cá nhân, tổ chức trong đơn vị, Giám đốc quyết định hình thức kỷ luật từ hạ mức thi đua năm học, khiển trách hoặc cảnh cáo.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy định này thay thế các quy định về SHTT, quản lý và khai thác các sản phẩm KHCN trước đây và có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.
2. Trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có yêu cầu cần chỉnh sửa phải do Giám đốc quyết định.



PHỤ LỤC

1. Đơn xin chuyển giao quyền sử dụng sản phẩm KHCN;
2. Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sản phẩm KHCN;
3. Đơn xin chuyển giao quyền SHTT sản phẩm KHCN;
4. Hợp đồng chuyển giao quyền sử SHTT sản phẩm KHCN

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG/QUYỀN SỞ HỮU SẢN PHẨM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ¹

Kính gửi: Ban Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tên đơn vị, cá nhân:

Địa chỉ: Số điện thoại: Email:

Đề nghị Ban giám đốc Học viện xem xét, chấp thuận chuyển giao quyền sử dụng/sở hữu sản phẩm KHCN với nội dung chuyển giao như sau:

I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ

1. Bên giao sản phẩm KHCN:

- Tên (tổ chức, cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại (tel): Email:

- Người đại diện: Chức danh:

-Số CMTND:.....

-Ngày cấp:.....

-Nơi cấp:.....

-2. Bên nhận quyền sử dụng/quyền sở hữu sản phẩm KHCN:

- Tên (tổ chức, cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại (tel): Email:

- Người đại diện: Chức danh:

-Số CMTND:.....

-Ngày cấp:.....

-Nơi cấp:.....

¹ Điều 3. Các sản phẩm KHCN thuộc quyền sở hữu và quản lý của Học viện

2. Các sản phẩm thuộc quyền sở hữu của Học viện thống nhất quản lý bao gồm:

a) Tên Học viện, logo, nhãn hiệu hàng hoá, hiệu dịch vụ của Học viện (được hiểu là của tất cả các đơn vị thuộc Học viện; b) Tác phẩm khoa học, sách, giáo trình, bài giảng, bài báo được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; c) Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học; e) Chương trình máy tính, cơ sở dữ liệu; f) Tác phẩm phát sinh nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phát sinh; g) Các giống cây trồng, vật nuôi, vật liệu phục vụ chọn tạo, thu hoạch, chế biến; h) Kết quả các công trình khoa học, tiến bộ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận; i) Các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sáng chế, giải pháp hữu ích; j) Quy trình công nghệ, các bí mật kinh doanh; k) Linh phụ kiện mới, các máy móc, thiết bị mới chế tạo; l) Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp; m) Các sản phẩm liên kết với các đơn vị, cá nhân ngoài Học viện (có văn bản thoả thuận riêng cho từng loại sản phẩm và đóng góp của mỗi bên).

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

II. Nội dung chuyển giao quyền sử dụng sản phẩm KHCN

- Tên sản phẩm KHCN:Lĩnh vực:

- Thời hạn chuyển giao công nghệ:

- Địa điểm và phạm vi chuyển giao:

Đơn vị (cá nhân) thay mặt các Bên tham gia chuyển giao quyền sử dụng sản phẩm KHCN, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được chấp thuận, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết thực hiện theo đúng thảo thuận ký kết và tuân thủ đúng các quy định về Quản lý, khai thác các sản phẩm khoa học công nghệ của Học viện (Quyết định số: /QĐ-HVN), các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Ý KIẾN BAN GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chữ ký, tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG/QUYỀN SỞ HỮU SẢN PHẨM
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

Số:/...../HĐCGCN

- Căn cứ Luật chuyển giao công nghệ năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại năm 2005;
- Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009;
- Căn cứ Luật cạnh tranh năm 2004;
- Các quy định khác của pháp luật;
- Căn cứ Quyết định số: /QĐ-HVN ngày ...tháng năm 2019 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt nam về Quản lý, khai thác các sản phẩm khoa học công nghệ;

Hôm nay ngày.....tháng.....năm..... Tại địa điểm:

Chúng tôi gồm:

Bên A

Cá nhân/tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại..... Fax:

Tài khoản số:

Đại diện là:

Chức vụ:

-Số CMTND :.....

-Ngày cấp :.....

-Nơi cấp :.....

Giấy ủy quyền (nếu thay người đại diện theo pháp luật ký) số:..... ngày...tháng....năm....

Bên B

Cá nhân/tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại..... Fax:

Tài khoản số:

Đại diện là:

Chức vụ:

-Số CMTND :.....

-Ngày cấp :.....

-Nơi cấp :.....

Giấy ủy quyền (nếu thay người đại diện theo pháp luật ký) số:..... ngày...tháng....năm....

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Các cụm từ viết hoa/thuật ngữ được sử dụng với ý nghĩa như sau (nếu cần thiết)

Điều 2: Nội dung công nghệ được chuyển giao

Bên A chuyển nhượng quyền sử dụng (hoặc quyền sở hữu) đối với sản phẩm KHCN:.....cho bên B.

Sản phẩm KHCN được chuyển giao có tính năng và số liệu kĩ thuật như sau:

.....

Sản phẩm KHCN được chuyển giao được dùng trong sản xuấtcó tiêu chuẩn, chất lượng như sau:

.....

Điều 3: Giá, phương thức thanh toán

Đơn giá của sản phẩm KHCN được chuyển giao trên là giá..... theo văn bản..... (nếu có) của

Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức..... trong thời gian.....

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A

.....

4.2 Quyền và nghĩa vụ của bên B

.....

Điều 5: Phương thức chuyển giao công nghệ

5.1 Bên A thực hiện chuyển giao cho bên B theo tiến độ sau sau:

.....

(ii) Bên A thực hiện chuyển giao cho bên B tại theo hình thức.....

.....

.....

Điều 6: Bảo hành và hướng dẫn sử dụng công nghệ

6.1 Bên A có trách nhiệm bảo hành chất lượng của sản phẩm KHCN được chuyển giao cho bên nhận chuyển giao trong thời gian là....tháng.

6.2 Bên A cử chuyên gia hướng dẫn và đào tạo nhân lực cho bên nhận chuyển giao trong thời gian... tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 7: Trách nhiệm trong việc thực hiện hợp đồng

7.1 Bên A và bên B cùng cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các vấn đề mà hai bên đã thỏa thuận trong các điều khoản của hợp đồng này, không được đơn phương hủy bỏ, thay đổi hay chấm dứt hợp đồng. Bên nào có hành vi vi phạm mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt

..... % giá trị của hợp đồng.

7.2 Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

8.1 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hòa giải giữa các bên trong thời hạn tối đa ngày làm việc.

8.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa hai bên mà không thể giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải sẽ được đưa ra và giải quyết tại

Điều 9: Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Điều 10: Hiệu lực của hợp đồng

10.1 Hợp đồng này có hiệu lựcnăm kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng hoặc

Trong thời hạn ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực, các bên phải tiến hành thanh lý hợp đồng. Bên có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian địa điểm thanh lý.

10.2 Hợp đồng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi hết thời hạn ghi trong Hợp đồng
- Theo thỏa thuận chung giữa các bên; và
- Khi hợp đồng bị hủy hoặc bị đình chỉ bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi có sự vi phạm pháp luật.

Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ..... bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ

Ký tên, đóng dấu

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ

Ký tên, đóng dấu